

Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ

K, ngày 03 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 33/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị **CAO THỊ THANH T** - sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hoà.

Bị đơn: Anh **BÙI NGỌC S** - sinh năm 1993.

HKTT: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hoà.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hoà

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **NGÂN HÀNG C**

Địa chỉ: TDP H, TT T, huyện K, tỉnh Khánh Hoà.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **CAO THỊ THANH T** - sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hoà.

Anh **BÙI NGỌC S** - sinh năm 1993.

HKTT: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hoà.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Cao Thị Thanh T và anh Bùi Ngọc S thỏa thuận: Giao cháu Cao Nguyên M - sinh ngày 02/11/2013 cho chị Cao Thị Thanh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Bùi Ngọc S tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Cao Thị Thanh T với anh Bùi Ngọc S đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Chị Cao Thị Thanh T, anh Bùi Ngọc S và đại diện Ngân hàng C thỏa thuận:

- Chị Cao Thị Thanh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng C theo các cam kết vay vốn, cụ thể: Phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ theo khế ước vay vốn ngày 17/7/2014 (Trả 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tiền gốc và 1.215.200đ (*Một triệu, hai trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng*) tiền lãi tính đến ngày 26/12/2017) và phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ theo khế ước vay vốn ngày 06/10/2014 (Trả 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền gốc và 1.694.000đ (*Một triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng*) đồng tiền lãi tính đến ngày 26/12/2017) và các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/12/2017, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các khế ước vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Anh Bùi Ngọc S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng C theo các cam kết vay vốn, cụ thể: Phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ theo khế ước vay vốn ngày 17/7/2014 (Trả 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tiền gốc và 1.215.200đ (*Một triệu, hai trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng*) tiền lãi tính đến ngày 26/12/2017) và phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ theo khế ước vay vốn ngày 06/10/2014 (Trả 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền gốc và 1.694.000đ (*Một triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng*) đồng tiền lãi tính đến ngày 26/12/2017) và các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/12/2017, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các khế ước vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Về án phí: Chị Cao Thị Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) và phải chịu 472.730đ (*Bốn trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*) án phí sơ thẩm dân sự về thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng 622.730đ (*Sáu trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0009357 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K. Chị Cao Thị Thanh T phải nộp thêm 322.730đ (*Ba trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Ngọc S phải chịu 472.730đ (*Bốn trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Quy định:

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện K;
- Chi Cục THADS huyện K;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN

NGUYỄN NGỌC DANH